

**CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC TUỆ Y**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC TUỆ Y

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109289774

**3. Ngày thành lập:** 30/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2, Xã Thuần Mỹ, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0337415596

Fax:

Email: dongnamduoctuey@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                 | 0128(Chính) |
| 2.  | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                            | 1076        |
| 3.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng<br>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); | 1079        |
| 4.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết:<br>- Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>- Sản xuất hoá dược và dược liệu                                                                                                                | 2100        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng<br>- Bán buôn chè                                                                                                                                                                     | 4632        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kinh doanh dược                                                                                                                                                                          | 4649        |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng<br>- Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...                                 | 4722        |

|     |                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4772 |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                             | 8299 |
| 10. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                       | 8531 |
| 11. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                    | 8532 |
| 12. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện                                                                                                                      | 8610 |
| 13. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                        | 9101 |
| 14. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                        | 9321 |
| 15. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                       | 4620 |
| 16. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                               | 2023 |
| 17. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                     | 8620 |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                     | 5610 |
| 19. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                       | 7010 |
| 20. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                | 8211 |
| 21. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng (loại trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) | 8559 |
| 22. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                              | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 22.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO THỊ HIỀN \_\_\_\_\_ Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 16/02/1996 \_\_\_\_\_ Dân tộc: Kinh \_\_\_\_\_ Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 001196004034  
Ngày cấp: 13/02/2020 \_\_\_\_\_ Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 3, Xã Thuần Mỹ, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Thôn 3, Xã Thuần Mỹ, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội